**DANH MỤC BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ DÙNG ĐỂ THU THẬP   
HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CẤP HUYỆN**

**ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÁC PHÒNG, BAN**

*(Kèm theo Quyết định số 2889/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

| **STT** | **Tên biểu** | **Ký hiệu biểu** | **Cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện** | **Kỳ báo cáo** | **Ngày nhận báo cáo** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **E** | **G** |
|  | Số người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp huyện/thị xã/thành phố | 009.N/H0209-10-11-BHXH | Bảo hiểm xã hội huyện/thị xã/thành phố | Năm | Ngày 20 tháng 02 năm sau năm báo cáo |
|  | Số người được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp huyện/thị xã/thành phố | 010.N/H0212-BHXH | Bảo hiểm xã hội huyện/thị xã/thành phố | Năm | Ngày 20 tháng 02 năm sau năm báo cáo |

**BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ VÀ GIẢI THÍCH BIỂU MẪU BÁO CÁO ÁP DỤNG ĐỐI VỚI PHÒNG, BAN, NGÀNH**

*(Kèm theo Quyết định số 2889/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2023*

*của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Biểu số: 009.N/H0209-10-11-BHXH**  Ban hành kèm theo Quyết định số 2889/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa  Ngày nhận báo cáo:Ngày 20 tháng 02 năm sau năm báo cáo | **SỐ NGƯỜI THAM GIA BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ**  Năm ….. | Đơn vị báo cáo:  Bảo hiểm Xã hội huyện/thị xã/thành phố ……………..  Đơn vị nhận báo cáo:  Chi cục Thống kê ............... |

| **Chỉ tiêu** | **Mã số** | **Tổng số  (người)** |
| --- | --- | --- |
| **A** | **B** | **1** |
| **I. BẢO HIỂM XÃ HỘI** | **01** |  |
| 1. Doanh nghiệp nhà nước | 02 |  |
| 2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | 03 |  |
| 3. Doanh nghiệp ngoài quốc doanh | 04 |  |
| 4. Hành chính, đảng, đoàn thể | 05 |  |
| 5. Khối lực lượng vũ trang, cơ yếu | 06 |  |
| 6. Cán bộ xã, phường, thị trấn | 07 |  |
| 7. Tổ chức nước ngoài, quốc tế | 08 |  |
| 8. Ngoài công lập, hợp tác xã, tổ chức khác | 09 |  |
| 9. Cán bộ không chuyên trách cấp xã | 10 |  |
| 10. Các đối tượng khác | 11 |  |
| 11. Tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện | 12 |  |
| **II. BẢO HIỂM Y TẾ** | **13** |  |
| 1. Nhóm do người lao động và người sử dụng lao động đóng | 14 |  |
| 2. Nhóm do cơ quan bảo hiểm xã hội đóng | 15 |  |
| 3. Nhóm do ngân sách nhà nước đóng | 16 |  |
| 4. Nhóm được ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng | 17 |  |
| 5. Nhóm tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình | 18 |  |
| 6. Nhóm do người sử dụng lao động đóng | 19 |  |
| **III. BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP** | **20** |  |
| 1. Doanh nghiệp nhà nước | 21 |  |
| 2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | 22 |  |
| 3. Doanh nghiệp ngoài quốc doanh | 23 |  |
| 4. Hành chính, đảng, đoàn thể | 24 |  |
| 5. Khối lực lượng vũ trang, cơ yếu | 25 |  |
| 6. Cán bộ xã, phường, thị trấn | 26 |  |
| 7. Tổ chức nước ngoài, quốc tế | 27 |  |
| 8. Ngoài công lập, hợp tác xã, tổ chức khác | 28 |  |
| 9. Cán bộ không chuyên trách cấp xã | 29 |  |
| 10. Các đối tượng khác | 30 |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**  *(Ký, họ tên)* | **Người kiểm tra biểu**  *(Ký, họ tên)* | *Ngày … tháng … năm …*  **Thủ trưởng đơn vị**  *(Ký, đóng dấu, họ tên)* |

**BIỂU SỐ 009.N/H0209-10-11-BHXH: SỐ NGƯỜI THAM GIA BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ**

**1. Khái niệm, phương pháp tính**

a) Số người tham gia bảo hiểm xã hội

Bảo hiểm xã hội là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động hoặc chết, trên cơ sở đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội.

Số người tham gia bảo hiểm xã hội gồm số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Bảo hiểm xã hội bắt buộc là loại hình bảo hiểm xã hội do Nhà nước tổ chức mà người lao động và người sử dụng lao động phải tham gia.

Bảo hiểm xã hội tự nguyện là loại hình bảo hiểm xã hội do Nhà nước tổ chức mà người tham gia được lựa chọn mức đóng, phương thức đóng phù hợp với thu nhập của mình và Nhà nước có chính sách hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội để người tham gia hưởng chế độ hưu trí và tử tuất.

Số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thuộc các đối tượng sau:

- Người lao động là công dân Việt Nam thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, gồm:

+ Người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn, hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng, kể cả hợp đồng lao động được ký kết giữa người sử dụng lao động với người đại diện theo pháp luật của người dưới 15 tuổi theo quy định của pháp luật về lao động;

+ Người làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới   
03 tháng;

+ Cán bộ, công chức, viên chức;

+ Công nhân quốc phòng, công nhân công an, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu;

+ Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật công an nhân dân; người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân;

+ Hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội nhân dân; hạ sĩ quan, chiến sĩ công an nhân dân phục vụ có thời hạn; học viên quân đội, công an, cơ yếu đang theo học được hưởng sinh hoạt phí;

+ Người đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

+ Người quản lý doanh nghiệp, người quản lý điều hành hợp tác xã có hưởng   
tiền lương;

+ Người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn.

- Người lao động là công dân nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam có giấy phép lao động hoặc chứng chỉ hành nghề hoặc giấy phép hành nghề do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp được tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của Chính phủ.

- Người sử dụng lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc bao gồm cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội khác; cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam; doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác, tổ chức khác và cá nhân có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động.

Người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện là công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên và không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

b) Số người tham gia bảo hiểm y tế

Bảo hiểm y tế là hình thức bảo hiểm bắt buộc được áp dụng đối với các đối tượng theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế để chăm sóc sức khỏe, không vì mục đích lợi nhuận do Nhà nước tổ chức thực hiện.

Số người tham gia bảo hiểm y tế được xác định theo 6 nhóm đối tượng cụ thể như sau:

- Nhóm do người lao động và người sử dụng lao động đóng;

- Nhóm do cơ quan bảo hiểm xã hội đóng;

- Nhóm do ngân sách nhà nước đóng;

- Nhóm được ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng;

- Nhóm tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình;

- Nhóm do người sử dụng lao động đóng.

Chi tiết về người tham gia bảo hiểm y tế thuộc 06 nhóm tham gia bảo hiểm y tế quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6 Chương I Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điểu của Luật Bảo hiểm y tế.

c) Số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp

Bảo hiểm thất nghiệp là chế độ nhằm bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi bị mất việc làm, hỗ trợ người lao động học nghề, duy trì việc làm, tìm việc làm trên cơ sở đóng vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

Số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp được xác định như sau:

- Người lao động phải tham gia bảo hiểm thất nghiệp khi làm việc theo hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc như sau:

+ Hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc không xác định thời hạn;

+ Hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc xác định thời hạn;

Trong trường hợp người lao động giao kết và đang thực hiện nhiều hợp đồng lao động thì người lao động và người sử dụng lao động của hợp đồng lao động giao kết đầu tiên có trách nhiệm tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

- Người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật việc làm đang hưởng lương hưu, giúp việc gia đình thì không phải tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

- Người sử dụng lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp gồm cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị vũ trang nhân dân; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam; doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ dân cư, hộ kinh doanh, tổ hợp tác, tổ chức khác và cá nhân có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng làm việc hoặc hợp đồng lao động.

**2. Cách ghi biểu**

Cột 1: Ghi tổng số người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm ý tế, bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

**3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu**

Phạm vi toàn toàn huyện/thị xã/thành phố. Số liệu thu thập năm báo cáo.

**4. Nguồn số liệu**

- Bảo hiểm xã hội tỉnh.

- Bảo hiểm xã hội huyện/thị xã/thành phố …..

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Biểu số: 010.N/H0212-BHXH**  Ban hành kèm theo Quyết định số 2889/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa  Ngày nhận báo cáo:Ngày 20 tháng 02 năm sau năm báo cáo | **SỐ NGƯỜI ĐƯỢC HƯỞNG BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP HUYỆN/QUẬN/THỊ XÃ/**  **THÀNH PHỐ**  Năm ….. | Đơn vị báo cáo:  Bảo hiểm Xã hội huyện/thị xã/thành phố ……….  Đơn vị nhận báo cáo:  Chi cục Thống kê .............. |

|  | Mã số | Đơn vị tính | Số người/ lượt người |
| --- | --- | --- | --- |
| A | B | C | 1 |
| **I. SỐ NGƯỜI ĐƯỢC HƯỞNG BẢO HIỂM XÃ HỘI** | **01** | **Người** |  |
| **1. Do ngân sách nhà nước trả** | **02** | **Người** |  |
| - Số người hưởng hàng tháng | 03 | Người |  |
| - Số người hưởng một lần | 04 | Người |  |
| Trong đó: |  |  |  |
| - Ốm đau, thai sản | 05 | Người |  |
| - Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp | 06 | Người |  |
| - Hưu trí | 07 | Người |  |
| - Tử tuất | 08 | Người |  |
| **2. Do Quỹ bảo hiểm xã hội trả** | **09** | **Người** |  |
| - Số người hưởng hàng tháng | 10 | Người |  |
| - Số người hưởng một lần | 11 | Người |  |
| Trong đó: |  |  |  |
| - Ốm đau, thai sản | 12 | Người |  |
| - Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp | 13 | Người |  |
| - Hưu trí | 14 | Người |  |
| - Tử tuất | 15 | Người |  |
| **II. SỐ LƯỢT NGƯỜI KHÁM CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ** | **16** | **Lượt người** |  |
| 1. Khám, chữa bệnh ngoại trú | 17 | Lượt người |  |
| 2. Khám, chữa bệnh nội trú | 18 | Lượt người |  |
| **III. SỐ NGƯỜI ĐƯỢC HƯỞNG BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP *\**** | **19** | **Người** |  |
| 1. Trợ cấp thất nghiệp | 20 | Người |  |
| 2. Hỗ trợ học nghề | 21 | Người |  |
| 3. Hỗ trợ đào tạo nâng cao kỹ năng nghề | 22 | Người |  |

*Ghi chú: (\*) Đối với chỉ tiêu “Số người được hưởng bảo hiểm thất nghiệp” nguồn số liệu từ bảo hiểm xã hội tỉnh.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**  *(Ký, họ tên)* | **Người kiểm tra biểu**  *(Ký, họ tên)* | *Ngày … tháng … năm …*  **Thủ trưởng đơn vị**  *(Ký, đóng dấu, họ tên)* |

**BIỂU SỐ 010.N/H0212-BHXH: SỐ NGƯỜI ĐƯỢC HƯỞNG BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ**

**1. Khái niệm, phương pháp tính**

a) Số người được hưởng bảo hiểm xã hội

Số người được hưởng bảo hiểm xã hội là số người đã tham gia bảo hiểm xã hội được nhận tiền bảo hiểm xã hội (tính theo số người, bất kể một người nhận được nhiều loại bảo hiểm xã hội khác nhau).

Số người được hưởng bảo hiểm xã hội được chi trả theo các chế độ: Ốm đau, thai sản; tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; hưu trí; tử tuất.

b) Số người được hưởng bảo hiểm y tế

Số người được hưởng bảo hiểm y tế là số người đã tham gia bảo hiểm y tế khi đi khám chữa bệnh được hưởng các dịch vụ khám chữa bệnh (tính theo số lượt người khám chữa bệnh bảo hiểm y tế).

c) Số người được hưởng bảo hiểm thất nghiệp

Số người được hưởng bảo hiểm thất nghiệp là số người đã tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp khi mất việc làm (thất nghiệp) được hưởng chế độ bảo hiểm thất nghiệp (tính theo số người hưởng bảo hiểm thất nghiệp).

**2. Cách ghi biểu**

Cột 1: Ghi tổng số người/lượt người được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn.

**3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu**

Phạm vi toàn toàn huyện/thị xã/thành phố. Số liệu thu thập năm báo cáo.

**4. Nguồn số liệu**

- Bảo hiểm xã hội tỉnh.

- Bảo hiểm xã hội huyện/thị xã/thành phố …..